TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2022/QĐST-HNGĐ	

Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Hồ Đức Quang

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Ngô Khánh Chi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 60/2022/TLST- HNGĐ ngày 14/4/2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", theo Quyết định mở phiên họp số 48/2022/QĐ-TA ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1991. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Nhật Bản. Có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Anh Đậu Công S, sinh năm 1991. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản của chị Trần Thị T, ý kiến thống nhất toàn bộ yêu cầu ly hôn của anh Đậu Công S và chị Trần Thị T, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:

* Về tình cảm: Chị Trần Thị T và anh Đậu Công S tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17/2/2014 tại UBND xã Xuân T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn vì suy nghĩ và lối sống mỗi người có sự khác biệt, không tìm thấy điểm chung. Năm 2018, vì kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng anh S, chị T đều đi nước ngoài làm ăn, do mỗi người mỗi nơi, không có sự tin tưởng lẫn nhau cộng thêm rạn nứt đã có từ trước nên giữa hai vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ, vợ chồng sống ly

thân từ năm 2018 đến nay. Chị T và anh S đều thừa nhận đã không còn tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn, níu kéo cũng không hạnh phúc.

Đến nay, hai vợ chồng cùng xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đậu Trần Quỳnh A, sinh ngày 11/4/2017. Cả hai thống nhất giao con chung là cháu Đậu Trần Quỳnh A cho anh Đậu Công S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Trần Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai ngăn cấm.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người tham gia tố tụng khác là bà Trần Thị T, trú tại khối 5, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An (chị gái ruột chị T) đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của chị Trần Thị T.

Người tham gia tố tụng khác ông Đậu Minh S và bà Phan Thị Q, trú tại thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (bố mẹ ruột anh S) đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của anh Đậu Công S. Ông Đậu Minh S và bà Phan Thị Q có đơn tình nguyện nuôi cháu Đậu Trần Quỳnh A trong thời gian anh Đậu Công S ở nước ngoài và cam kết chăm sóc cháu tốt, không yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng.

Tại phiên họp, chị Trần Thị T và anh Đậu Công S đều có văn bản và đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, 57, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 146, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 6, Điều 9 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị T và anh Đậu Công S đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị Trần Thị T và anh Đậu Công S theo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 6206/QLXNC-P5 ngày 24/3/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an thể hiện: "Anh Đậu Công S, sinh ngày 01/3/1991 lần xuất cảnh gần nhất ngày 30/01/2020 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài và chưa có thông tin nhập cảnh về nước"; "Chị Trần Thị T, sinh ngày 09/12/1991 lần xuất cảnh gần nhất ngày 19/01/2020 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài và chưa có thông tin nhập cảnh về nước". Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Trần Thị T và anh Đậu Công S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết, anh Đậu Công S thông qua hình thức gọi điện thoại bằng hình ảnh đã trình bày ý kiến liên quan đến nội dung chị Trần Thị T khởi kiện. Theo đó, anh Đậu Công S đồng ý toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T và bổ sung thêm mong muốn chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng. Đồng thời anh S ủy quyền giao, nhận tài liệu cho bố mẹ ruột là ông Đậu Minh S và bà Phan Thị Q, trú tại thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại biên bản ghi nhận sự việc ngày 16/5/2022, chị Trần Thị T thông qua hình thức gọi điện thoại đã trình bày ý kiến về việc đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng như đề nghị của anh Đậu Công S và ủy quyền giao, nhận tài liệu cho chị gái ruột là bà Trần Thị T, trú tại khối 5, phường Nghi H, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

Trên tinh thần Công văn số 253/TANDTCPC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án sẽ tống đạt các tài liệu, văn bản tố tụng cho người được ủy quyền giao nhận tài liệu của đương sự hiện đang ở nước ngoài và quyết định chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án Hôn nhân gia đình thành việc Hôn nhân gia đình.

[1.4] Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Đậu Công S được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì năm 2018, cả hai vợ chồng đều đi nước ngoài làm ăn. Trong thời gian đi làm ăn xa, vì khoảng cách địa lý và những mâu thuẫn đã phát sinh từ trước cộng thêm sự thiếu tin tưởng nên đời sống hôn nhân của chị T, anh S ngày càng phai nhạt, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh S và chị T đều thừa nhận đã không còn tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn,

níu kéo cũng không hạnh phúc. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn…" (Điều 55).

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Đậu Công S hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T, anh S như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự, giải quyết cho chị Trần Thị T và anh Đậu Công S được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Cả hai thống nhất giao con chung là cháu Đậu Trần Quỳnh A, sinh ngày 11/4/2017 cho anh Đậu Công S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Trần Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai ngăn cấm.

Anh Đậu Công S hiện đang cư trú tại nước ngoài nên không thể thực hiện việc nuôi con, anh S đã thống nhất nhờ bố mẹ ruột là ông Đậu Minh S và bà Phan Thị Q nuôi dưỡng cháu Đậu Trần Quỳnh A trong thời gian anh đi làm ăn xa. Ông Đậu Minh S và bà Phan Thị Q đã có văn bản về việc tình nguyện nuôi dưỡng cháu Đậu Trần Quỳnh A trong thời gian anh S chưa về nước.

Xét sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn của chị Trần Thị T và anh Đậu Công S là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung.

Cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đậu Công S để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình và tiền cấp dưỡng nuôi con nên cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 227, 361, 367, 369, 370, 371, 469, 479 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đậu Công S.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung cháu Đậu Trần Quỳnh A, sinh ngày 11/4/2017 cho anh Đậu Công S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (ông Đậu Minh S và bà Phan Thị Q thay anh Đậu Công S nuôi dưỡng cháu Đậu Trần Quỳnh A trong thời gian anh Đậu Công S đi vắng); chị Trần Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai ngăn cấm.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị T, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000151 ngày 13/4/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị Trần Thị T có nghĩa vụ nộp tiếp 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 09/6/2022.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Hồ Đức Quang